TAND HUYỆN P **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2025/QĐST-KDTM	*P, ngày 17 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố Tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 09/6/2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 06/2025/TLST - KDTM ngày 12 tháng 5 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 09/6/2025, về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự sau:

* Nguyên đơn: Ngân hàng N;

Địa chỉ: Số 02 L, phường L, quận B, thành phố H;

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo uỷ quyền của ông V: Bà Bùi Thị Hồng V1, Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện P, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện theo uỷ quyền của bà V1: Ông Lương Thế Th, Phó giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện P, tỉnh Hưng Yên;

Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

* Bị đơn: Anh Trần Đoàn H, sinh năm 1976 và chị Vũ Thị Th1, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Trần Đoàn Đ, sinh năm 1956;

+ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1955;

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số nợ gốc: Đại diện nguyên đơn theo ủy quyền ông Lương Thế Th

và bị đơn anh Trần Đoàn H, chị Vũ Thị Th1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đoàn Đ, bà Nguyễn Thị H1 thỏa thuận xác định, bị đơn anh Trần Đoàn H, chị Vũ Thị Th1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đoàn Đ, bà Nguyễn Thị H1 còn nợ Ngân hàng N số tiền nợ gốc là 234.300.000 đồng (*hai trăm ba mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày 10/6/2025, bị đơn anh H, chị Th1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ, bà H1 không trả được nợ thì còn phải tiếp tục chịu lãi suất đối với số tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất là 4,86%/năm (theo văn bản số VB 4885/NHNo - QLN ngày 05/5/2023 của Ngân hàng N về việc hướng dẫn miễn, giảm lãi, phí nhằm hỗ trợ khách hàng trả nợ xấu, nợ đã xử lý rủi ro trong giai đoạn phục hồi sau đại dịch Covid 19) cho đến khi bị đơn anh H, chị Th1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ, bà H1 tH toán xong.

2.2. Về lãi suất: Đại diện nguyên đơn theo ủy quyền ông Lương Thế Th và bị đơn anh Trần Đoàn H, chị Vũ Thị Th1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đoàn Đ, bà Nguyễn Thị H1 thỏa thuận xác định, bị đơn anh Trần Đoàn H, chị Vũ Thị Th1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đoàn Đ, bà Nguyễn Thị H1 còn nợ Ngân hàng N số tiền lãi tính đến ngày 09/6/2025 là 196.707.879 đồng (*một trăm chín mươi sáu triệu bẩy trăm linh bẩy nghìn tám trăm bẩy mươi chín đồng*).

Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 09/6/2025 là 431.007.879 đồng *(bốn trăm ba mươi mốt triệu không trăm linh bẩy nghìn tám trăm bẩy mươi chín đồng*).

2.3. Về phương thức và thời hạn tH toán: Các bên đương sự thỏa thuận thống nhất bị đơn anh Trần Đoàn H, chị Vũ Thị Th1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đoàn Đ, bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ tH toán trả Ngân hàng N toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi suất tính đến ngày 09/6/2025 là 431.007.879 đồng (*bốn trăm ba mươi mốt triệu không trăm linh bẩy nghìn tám trăm bẩy mươi chín đồng*) trong thời hạn 02 tháng; thời hạn bắt đầu tính từ ngày 09/6/2025, hạn cuối cùng là vào ngày 09/08/2025, cụ thể như sau:

+ Từ ngày 09/6/2025 đến ngày 09/7/2025 vợ chồng anh H, chị Th1 và vợ chồng ông Đ, bà H1 có nghĩa vụ tH toán trả Ngân hàng N số tiền nợ gốc là 234.300.000 đồng (*hai trăm ba mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng*). Chậm nhất là ngày 09/7/2025.

+ Từ ngày 09/7/2025 đến ngày 09/8/2025 vợ chồng anh H, chị Th1 và vợ chồng ông Đ, bà H1 có nghĩa vụ tH toán trả Ngân hàng N số tiền lãi là 196.707.879 đồng (*một trăm chín mươi sáu triệu bẩy trăm linh bẩy nghìn tám trăm bẩy mươi chín đồng*). Chậm nhất là ngày 09/8/2025.

2.4. Về án phí: Bị đơn anh Trần Đoàn H, chị Vũ Thị Th1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đoàn Đ, bà Nguyễn Thị H1 tự nguyện nhận chịu 10.620.000 đồng (*mười triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nhưng ông Đ và bà H1 có đơn xin miễn án phí do là đối tượng người cao tuổi. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định

về án, lệ phí Toà án; miễn nộp toàn bộ số tiền 5.310.000 đồng (*năm triệu ba trăm mười nghìn đồng*) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm cho ông Trần Đoàn Đ và bà Nguyễn Thị H1, ông Đ và bà H1 không phải nộp án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Anh Trần Đoàn H và chị Vũ Thị Th1 phải nộp 5.310.000 đồng (*năm triệu ba trăm mười nghìn đồng*) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí là 10.594.000 đồng (*mười triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng*) theo biên lai thu số BLTU/24/0004609, ngày 08/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hưng Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện P;*
- *Chi cục THADS huyện P;*
- *Phòng TH tra, Kiểm tra và THA-TAND tỉnh Hưng Yên;*
- *Lưu HS.*

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Quyền